

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biên Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên-độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446
- Địa chỉ giao dịch : 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, ✓

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

Ngày 24 tháng 8 năm 2023

1
C
C
I
E
H

15-06
H
Á
N
H
T
Y
M
H
V
À
T
I
&
C
À
N
O
- 1P

Số: 2.0533/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2023

163
JNG
Ổ P
YCH
I T
NH2 - C.T.T.
HẠN
VẤN
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		660.633.067.070	625.359.848.733
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	111.490.007.392	96.266.569.169
1. Tiền	111		96.490.007.392	91.266.569.169
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		397.999.842.212	429.864.380.243
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	346.680.433.034	381.042.193.562
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.662.983.769	4.549.008.177
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	27.000.000.000	30.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	40.170.054.941	34.787.905.832
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.513.629.532)	(20.514.727.328)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		135.044.543.112	71.572.908.053
1. Hàng tồn kho	141	V.7	135.044.543.112	71.572.908.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.098.674.354	27.655.991.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4.105.124.261	4.550.683.929
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.993.550.093	21.845.035.532
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	1.260.271.807
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.235.417.182.501	1.198.555.788.083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	12.071.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	12.071.400.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		682.680.799.416	757.444.702.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	682.680.799.416	757.444.702.487
<i>Nguyên giá</i>	222		2.147.765.425.093	2.147.765.425.093
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.465.084.625.677)	(1.390.320.722.606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		448.600.000	448.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(448.600.000)	(448.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		111.642.983.158	4.642.983.158
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	111.642.983.158	4.642.983.158
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	364.746.770.000	334.746.770.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		210.722.400.000	180.722.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		154.024.370.000	154.024.370.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		76.346.629.927	89.649.932.438
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	76.346.629.927	89.649.932.438
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.896.050.249.571	1.823.915.636.816

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.173.674.203.267	1.057.643.720.068
I. Nợ ngắn hạn	310		664.344.297.218	552.483.083.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	212.424.253.899	214.371.309.044
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.628.238.200	8.923.233.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.555.315.488	715.112.707
4. Phải trả người lao động	314		7.808.439.024	9.882.223.095
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	49.791.127.955	39.035.309.644
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	105.631.949.769	28.059.441.882
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	267.879.078.205	240.247.819.955
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.625.894.678	11.248.634.334
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		509.329.906.049	505.160.636.207
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	509.329.906.049	505.136.936.207
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

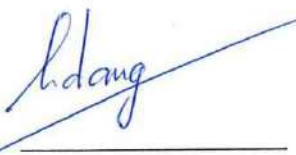
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		722.376.046.304	766.271.916.748
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	722.376.046.304	766.271.916.748
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		279.932.828.816	237.741.139.791
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	26.872.565.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.571.791.709	191.659.351.178
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		67.045.583.434	191.659.351.178
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.526.208.275	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.896.050.249.571	1.823.915.636.816

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2023

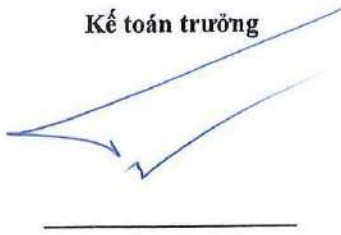
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Hải Đăng



Vũ Quang Tiến



Lê Đăng Phúc

315-C
NHÀ
NG T
HIỆM I
ÁN VÀ
A & C
I HÀ
DA -

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	428.895.241.922	456.801.253.853
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		428.895.241.922	456.801.253.853
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	325.889.534.975	387.767.858.893
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.005.706.947	69.033.394.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.352.670.598	15.533.559.584
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	35.536.988.489	32.522.380.845
Trong đó: chi phí lãi vay	23		34.551.866.075	31.159.403.659
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	556.453.182	2.125.495.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.127.015.989	31.120.798.840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.137.919.885	18.798.279.829
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.578.812.308	10.397.282.817
12. Chi phí khác	32	VI.8	523.794.843	1.352.326.794
13. Lợi nhuận khác	40		3.055.017.465	9.044.956.023
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.192.937.350	27.843.235.852
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.666.729.075	1.255.148.962
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>38.526.208.275</u>	<u>26.588.086.890</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.192.937.350	27.843.235.852
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	74.763.903.071	71.454.797.190
- Các khoản dự phòng	03	V.6	1.998.902.204	426.020.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	200.237.237	(2.026.710.789)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.043.930.710)	(18.325.114.557)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	34.551.866.075	31.159.403.659
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		153.663.915.227	110.531.631.355
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		50.283.679.977	(838.773.279)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63.471.635.059)	(10.184.373.788)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.837.427.002	(25.267.326.874)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.748.862.179	(12.018.783.628)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(36.880.182.640)	(45.079.997.662)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(54.669.750)	(1.217.255.517)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(8.435.518.924)	(11.671.072.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		116.691.878.012	4.254.047.882
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(107.000.000.000)	(99.030.791.821)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	16.960.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(30.000.000.000)	(35.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		712.450.436	7.767.371.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(133.287.549.564)	(109.803.419.829)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	284.324.448.047	279.051.596.245
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(252.500.219.955)	(215.699.432.690)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17	-	(184.311.518)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(36.831.687.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		31.824.228.092	26.336.164.537
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		15.228.556.540	(79.213.207.410)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	96.266.569.169	142.924.856.999
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(5.118.317)	(14.627.574)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	111.490.007.392	63.697.022.015

Người lập biểu

Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động xây dựng dân dụng khác: nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp khoan cọc nhồi. Trục vót, nạo vét công trình thủy.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	808 Lê Hồng Phong, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Hoạt động cung cấp kho bãi và lưu giữ hàng hóa	51,00%	100%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa	31,00%	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam)	Số 19-20 Khu đô thị Núi Long, Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	35,00%	35,00%	35,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 308 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 309 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

15-4
HÀP
G T
M H
VÀ
& C
TÀ N
- 15

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn, Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn có số năm khấu hao là 5 - 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	826.714.100	1.690.922.719
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	95.663.293.292	89.575.646.450
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	15.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>111.490.007.392</u>	<u>96.266.569.169</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 5.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	<u>210.722.400.000</u>	-	<u>180.722.400.000</u>	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	64.022.400.000	-	64.022.400.000	-
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	35.700.000.000	-	35.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	<u>154.024.370.000</u>	-	<u>154.024.370.000</u>	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	-	121.249.370.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	-	22.275.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
Cộng	<u>364.746.770.000</u>	-	<u>334.746.770.000</u>	-

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	5.100.000	51,00%	5.100.000	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	3.000.000	60,00%	3.000.000	60,00%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	6.402.240	54,00%	6.402.240	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	3.570.000	51,00%	3.570.000	60,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	3.000.000	51%	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270	31,00%	3.911.270	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	2.025.000	45,00%	2.025.000	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam)	1.050.000	35,00%	1.050.000	35,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- ① Trong kỳ, Công ty đã góp 30.000.000.000 VND (tương ứng với 3.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND) để thành lập Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu ("TCXC"), Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202199035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2023, TCXC có vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND (tương ứng với 20.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần), trong đó Công ty đầu tư 102.000.000.000 VND (tương ứng 10.200.000 cổ phần), chiếm 51% vốn điều lệ của TCXC. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn phải góp thêm vào TCXC là 72.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các Công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng (TCOTS)		
TCOTS cung cấp dịch vụ	18.500.013.075	18.448.488.286
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho TCOTS	620.264.710	703.062.016
TCOTS chia cổ tức	-	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang		
Chi phí lãi vay phải trả Công ty con	1.467.891.701	1.467.891.701
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ("HHMB")		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho HHMB	5.603.522.000	5.584.285.714
Chi phí do HHMB cung cấp	2.400.000.000	-
HHMB chia cổ tức	-	3.841.344.000
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng (TCDG)		
Doanh thu cho TCDG thuê tàu	14.400.000.000	1.200.000.000
Chi phí lãi vay phải trả TCDG	-	72.328.767
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu		
Góp vốn	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry		
Chi phí do Gantry cung cấp	4.533.082.429	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	130.025.110.017	164.713.738.330
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	13.194.674.200	4.884.432.888
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	60.526.924.509	109.780.100.145
Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh	-	449.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	11.260.836.376	17.562.905.327
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	28.542.674.932	19.077.299.970
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.500.000.000	12.960.000.000
Phải thu các khách hàng khác	216.655.323.017	216.328.455.232
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	14.102.343.750	25.756.224.458
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng Lượng Biển	12.221.720.616	12.221.720.616
Jungwon Maritime Pte. Ltd	21.680.737.947	21.680.737.947
SC Management Co., Ltd	49.392.315.381	45.942.949.039
Marin East Company Limited	27.503.273.849	16.691.330.000
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Maritime)	9.073.784.804	13.883.420.945
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	24.378.960.368	22.713.551.441
Các khách hàng khác	58.302.186.302	57.438.520.786
Cộng	346.680.433.034	381.042.193.562

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	27.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng (*)	12.000.000.000	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry (**)	15.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	27.000.000.000	30.000.000.000

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Trục Vót và Nạo Vét Tân Cảng vay theo hợp đồng số 03/2022/HĐVT/TCO-TCDG ngày 03 tháng 10 năm 2022. Giá trị hợp đồng là 30.000.000.000VND với thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên và hợp đồng số 01/2023/HĐVT/TCO – TCDG ngày 26 tháng 06 năm 2023. Lãi suất vay cố định 8%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý. Tổng số tiền vay đã chuyển 32.000.000.000VND theo Giấy báo nợ ngân hàng số BNVC/010/10/22 ngày 13 tháng 10 năm 2022, BNMB/003/12/22 ngày 02 tháng 12 năm 2022, BNMB/021/03/23 ngày 06 tháng 03 năm 2023, BNMB/093/06/23 ngày 26 tháng 06 năm 2023. Tổng số tiền đã thu nợ 20.000.000.000 VND theo giấy báo có ngân hàng BCMB/001/01/23 ngày 03 tháng 01 năm 2023.

(**) Là khoản cho Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry vay theo hợp đồng số 04/2022/HĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2022, bổ sung bởi phụ lục 01-2023/PLHĐVT/TCO-TCGT ngày 10 tháng 04 năm 2023. Giá trị hợp đồng là 19.000.000.000VND với thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Lãi suất vay cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý. Số tiền vay đã chuyển 15.000.000.000VND theo Giấy báo nợ ngân hàng số BNMB/080/11/22 ngày 30 tháng 11 năm 2022, BNMB/058/02/23 ngày 17/02/2023, BNMB/014/04/23 ngày 03/04/2023, BNMB/008/05/23 ngày 05/05/2023 và BNMB/002/06/23 ngày 01/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	28.209.460.583	-	27.710.988.410	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc - Cổ tức được chia	19.206.720.000	-	19.206.720.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	7.741.151.542	-	7.708.022.180	-
- Cổ tức được chia	7.650.000.000	-	7.650.000.000	-
- Thu chi hệ khác	91.151.542	-	58.022.180	-
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	817.095.890	-	532.574.997	-
- Lãi vay phải thu	817.095.890	-	451.506.850	-
- Thu chi hệ khác	-	-	81.068.147	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry - Lãi vay phải thu	324.493.151	-	23.671.233	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng (*)	120.000.000	-	240.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	11.960.594.358	-	7.076.917.422	-
Dự thu lãi tiền gửi	52.022.466	-	21.364.110	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.755.151.880	-	1.238.174.900	-
Tạm ứng	5.667.374.372	-	3.975.460.726	-
Thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ	3.302.464.085	-	1.503.321.466	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.183.581.555	-	338.596.220	-
Cộng	40.170.054.941	-	34.787.905.832	-

(*) Khoản cho Ông Nguyễn Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc vay tiền mua tài sản theo Hợp đồng số 001/2021/HĐVT-TCO ngày 26/11/2021, số tiền 480.000.000 VND, lãi suất 0%, mỗi tháng thu hồi 20.000.000 VND bằng cách trừ vào lương, thời hạn thu hồi đến hết ngày 25/11/2023.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	6.330.691.818	(1.245.653.127)	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	> 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)	Từ 2 - < 3 năm	21.267.976.405	(14.887.583.484)
Cộng		27.598.668.223	(22.513.629.532)		27.686.533.693	(20.514.727.328)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	20.514.727.328	17.838.512.047
Trích lập dự phòng bổ sung	1.998.902.204	426.020.000
Số cuối kỳ	22.513.629.532	18.264.532.047

7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển ngoài khơi.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	135.044.543.112	71.572.908.053

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	3.656.956.761	4.303.984.803
Chi phí kiểm tra, giám định tàu	13.667.500	246.699.126
Chi phí đăng kiểm	434.500.000	-
Cộng	4.105.124.261	4.550.683.929

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	31.391.999.230	35.658.425.985
Chi phí sửa chữa tàu, bảo dưỡng tàu	19.147.815.043	20.795.820.597
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	21.717.675.327	27.549.863.563
Chi phí sửa chữa văn phòng	75.983.671	339.652.874
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.013.156.656	5.306.169.419
Cộng	76.346.629.927	89.649.932.438

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	416.008.714.510	987.985.491.114	741.599.407.940	973.591.274	1.198.220.255	2.147.765.425.093
Số cuối kỳ	416.008.714.510	987.985.491.114	741.599.407.940	973.591.274	1.198.220.255	2.147.765.425.093
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	416.008.714.510	557.778.837.535	4.381.411.157	973.591.274	1.159.583.891	980.302.138.367
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	408.888.315.721	795.384.814.572	183.929.629.305	930.475.084	1.187.487.924	1.390.320.722.606
Khấu hao trong kỳ	7.120.398.789	33.864.522.712	33.729.425.988	43.116.190	6.439.392	74.763.903.071
Số cuối kỳ	416.008.714.510	829.249.337.284	217.659.055.293	973.591.274	1.193.927.316	1.465.084.625.677
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.120.398.789	192.600.676.542	557.669.778.635	43.116.190	10.732.331	757.444.702.487
Số cuối kỳ	-	158.736.153.830	523.940.352.647	-	4.292.939	682.680.799.416
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 669.469.689.323 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	107.000.000.000	107.000.000.000
Mua sắm Toà nhà văn phòng 2023	-	107.000.000.000	107.000.000.000
<i>Xây dựng cơ bản dở dang (*)</i>	4.642.983.158	-	4.642.983.158
Dự án 52 - 58 Trần Phú Nha Trang	542.740.734	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	3.013.636.364
Dự án khác	1.086.606.060	-	1.086.606.060
Cộng	4.642.983.158	107.000.000.000	111.642.983.158

Tại ngày 30/6/2023, các tài sản đem thế chấp ở ngân hàng là tài sản hình thành từ vốn vay trị giá: 107.000.000.000 VND.

(*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không thực hiện thêm và sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	56.653.477.590	41.821.612.126
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	4.368.000.000	1.728.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.055.986.240	5.446.340.970
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	28.635.773.000	17.844.653.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	8.702.200.000	8.035.200.000
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	6.728.817.532	3.740.204.100
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	52.650.000	148.050.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	2.385.264.431	3.247.224.446
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	2.724.786.387	1.631.939.610
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	155.770.776.309	172.549.696.918
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	33.672.093.623	32.389.903.015
Aussie Offshore Services Limited	21.732.273.388	28.211.714.244
Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	8.077.074.582	13.077.074.582
Công ty TNHH Xăng Dầu Long Sơn	17.520.500.000	11.473.000.000
Các nhà cung cấp khác	74.768.834.716	87.398.005.077
Cộng	212.424.253.899	214.371.309.044

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Sun Lanes Shipping S.a. And Nikko Kisen Co., Ltd	1.683.936.000	-
Các khách hàng khác	21.069.000	-
Cộng	10.628.238.200	8.923.233.200

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.983.944.468	(2.983.944.468)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	304.647.917	(304.647.917)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.260.271.807	4.666.729.075	(54.669.750)	3.351.787.518	-
Thuế thu nhập cá nhân	583.277.205	-	2.218.817.915	(2.249.922.570)	552.172.550	-
Thuế nhà thầu	131.835.502	-	892.524.985	(373.005.067)	651.355.420	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	436.157.953	(436.157.953)	-	-
Cộng	715.112.707	1.260.271.807	11.506.822.313	(6.406.347.725)	4.555.315.488	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

C.T.
 HẠN
 VẤN
 HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.192.937.350	27.843.235.852
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	883.104.040	538.732.375
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	1.061.023.299	2.722.298.878
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu cuối kỳ này</i>	101.711.687	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện năm nay</i>	(279.630.946)	(536.911.700)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu cuối kỳ này</i>	-	(1.646.654.803)
Thu nhập chịu thuế	44.076.041.390	28.381.968.227
Thu nhập được miễn thuế	-	(11.491.344.000)
Thu nhập tính thuế	44.076.041.390	16.890.624.227
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ hoạt động khai thác cảng biển</i>	28.020.993.019	14.153.172.556
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	16.055.048.371	2.737.451.671
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động khai thác cảng	10%	10%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	8.815.208.279	3.378.124.846
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(2.802.099.302)	(1.415.317.256)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(1.401.049.652)	(707.658.628)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	4.612.059.325	1.255.148.962
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	54.669.750	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.666.729.075	1.255.148.962

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>18.006.547.499</i>	<i>13.638.709.952</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.964.927.455
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	5.174.115.499	4.452.334.497
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa - Chi phí thuê tàu, phí cầu cảng	3.891.800.000	221.448.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>31.784.580.456</i>	<i>25.396.599.692</i>
Lãi vay phải trả	9.336.142.147	16.056.591.714
Chi phí thuê tàu phải trả	12.517.003.700	567.765.000
Chi phí nhiên liệu phải trả	1.635.399.913	1.761.763.549
Chi phí thuyền viên nước ngoài	6.578.852.775	5.118.854.643
Chi phí thuê xe nâng	396.400.000	1.189.200.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.320.781.921	702.424.786
Cộng	<u>49.791.127.955</u>	<u>39.035.309.644</u>

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>53.639.636.659</i>	<i>25.758.573.252</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	53.130.207.616	25.178.802.990
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>52.018.310.000</i>	<i>24.118.312.500</i>
<i>Phải trả lại tiền thanh toán thừa</i>	<i>129.489.010</i>	<i>94.664.423</i>
<i>Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả</i>	<i>982.408.606</i>	<i>965.826.067</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng – Tiền chi hộ	5.000.000	5.000.000
Kinh phí hoạt động HDQT, BKS	504.429.043	574.770.262
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>51.992.313.110</i>	<i>2.300.868.630</i>
Cổ tức phải trả	49.599.717.500	-
Kinh phí công đoàn	91.397.750	58.865.644
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.230.808.300	2.230.808.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	70.389.560	11.194.686
Cộng	<u>105.631.949.769</u>	<u>28.059.441.882</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn đã trả trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Yico Việt Nam	5.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng	155.014.917.889	140.133.559.639
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	61.641.338.134	54.701.083.929
– Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	43.526.361.225	51.909.365.164
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	49.847.218.530	33.523.110.546
– Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	107.864.160.316	100.114.260.316
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú	9.750.300.000	13.000.400.000
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	8.905.400.000	8.905.400.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	41.492.786.748	30.492.786.748
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	47.715.673.568	47.715.673.568
– Chi nhánh Đồng Đa		
Cộng	267.879.078.205	240.247.819.955

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Yico Việt Nam				
Hợp đồng cho vay tiền số 01/2023/HĐCV/YICO ngày 09 tháng 01 năm 2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay 5.000.000.000 VND	12 tháng	10%/năm	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Hợp đồng cấp tín dụng số 0038/2275/N-CTD ngày 19 tháng 4 năm 2022. Sửa đổi bổ sung theo hợp đồng sửa đổi ngày 12 tháng 01 năm 2023.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 100.000.000.000 VND	12 tháng	6% đến 8,4%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB / Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Thẻ chấp 01 cầu bờ trực hiệu Kocks 73013/ Các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê thiết bị với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng số 87252.22.151.1131175.TD ngày 23/09/2022	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	7% đến 9,5%/năm	02 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu TC Royal
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng số 01/2023/12827294/HĐTD ngày 28 tháng 02 năm 2023	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	7% đến 9%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay bên liên quan	Vay ngắn hạn Ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	-	140.133.559.639	100.114.260.316	240.247.819.955
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	5.000.000.000	159.517.417.889	-	164.517.417.889
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	57.807.030.158	57.807.030.158
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(144.636.059.639)	(50.057.130.158)	(194.693.189.797)
Số cuối kỳ	5.000.000.000	155.014.917.889	107.864.160.316	267.879.078.205

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	72.494.545.000	87.494.545.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	36.494.545.000	36.494.545.000
Các cá nhân bên liên quan khác	36.000.000.000	51.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	323.035.361.049	303.842.391.207
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	-	3.250.100.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	134.312.020.683	158.169.857.467
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	170.912.540.366	120.158.933.740
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	17.810.800.000	22.263.500.000
Vay dài hạn các cá nhân	113.800.000.000	113.800.000.000
Cộng	509.329.906.049	505.136.936.207

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	359.529.906.049	340.336.936.207
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	149.800.000.000	164.800.000.000
Cộng	509.329.906.049	505.136.936.207

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn của các tổ chức:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang				
Hợp đồng tín dụng ký năm 2020	Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh	05 năm	8%/năm	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.220.000 USD	05 năm	11%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin/ Hạn mức vay: 65.000.000.000 VND	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650/ Hạn mức vay: 129.920.000.000 VND	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng vay SHBVN/CMC/092023/TCO ngày 10 tháng 04 năm 2023	Thanh toán phí chuyển nhượng tòa nhà văn phòng/ số tiền vay: 77.000.000.000 VND	7 năm	9%/năm	Tòa nhà văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu				
Hợp đồng ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	10,2%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Đa				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	9,3%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 15/6/2022	Đầu tư mua tàu TAG14	60 tháng	9,8%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm và 8 năm). Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư tàu TC 89 và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	118.000.000.000	133.000.000.000
Bên liên quan	35.000.000.000	50.000.000.000
Các cá nhân khác	83.000.000.000	83.000.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cá nhân khác	30.800.000.000	30.800.000.000
Cộng	149.800.000.000	164.800.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	72.494.545.000	-	72.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	430.899.521.365	107.864.160.316	292.249.967.675	30.785.393.374
Vay dài hạn các cá nhân khác	113.800.000.000	-	113.800.000.000	-
Cộng	617.194.066.365	107.864.160.316	478.544.512.675	30.785.393.374
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	36.494.545.000	-	36.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	450.841.894.470	146.999.503.263	288.900.077.487	14.942.313.720
Vay dài hạn các cá nhân khác	164.800.000.000	-	164.800.000.000	-
Cộng	652.136.439.470	146.999.503.263	490.194.622.487	14.942.313.720

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Cộng
Số đầu năm	87.494.545.000	303.842.391.207	113.800.000.000	505.136.936.207
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	77.000.000.000	-	77.000.000.000
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	-	(57.807.030.158)	-	(57.807.030.158)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(15.000.000.000)	-	-	(15.000.000.000)
Số cuối kỳ	72.494.545.000	323.035.361.049	113.800.000.000	509.329.906.049

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.335.891.825	6.113.667.180	1.799.075.329	11.248.634.334
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-	2.812.779.268	2.812.779.268
Chi quỹ trong kỳ	(1.198.944.444)	(5.936.574.480)	(1.300.000.000)	(8.435.518.924)
Số cuối kỳ	2.136.947.381	177.092.700	3.311.854.597	5.625.894.678

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Kỳ trước					
Số dư đầu năm	267.981.250.000	239.272.619.854	177.289.108.365	26.872.565.779	711.415.543.998
Phát hành cổ phần tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	42.017.610.000	(42.017.610.000)	-	-	-
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	40.486.129.937	(43.185.205.266)	-	(2.699.075.329)
Trích kinh phí hoạt động của Ban điều hành	-	-	(2.024.306.497)	-	(2.024.306.497)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(66.995.312.500)	-	(66.995.312.500)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	26.588.086.890	-	26.588.086.890
Số dư cuối kỳ	309.998.860.000	237.741.139.791	91.672.370.992	26.872.565.779	666.284.936.562
Kỳ này					
Số dư đầu năm nay	309.998.860.000	237.741.139.791	191.659.351.178	26.872.565.779	766.271.916.748
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	42.191.689.025	(45.004.468.293)	-	(2.812.779.268)
Trích kinh phí hoạt động của Ban điều hành	-	-	(2.109.584.451)	-	(2.109.584.451)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(77.499.715.000)	-	(77.499.715.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	38.526.208.275	-	38.526.208.275
Số dư cuối kỳ này	309.998.860.000	279.932.828.816	105.571.791.709	26.872.565.779	722.376.046.304

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	111.599.990.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	198.398.870.000
Cộng	<u>309.998.860.000</u>	<u>309.998.860.000</u>

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	30.999.886

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 77.499.715.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	: 42.191.689.025
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 2.812.779.268
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1,5% LNST)	: 2.109.584.451

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 2.068.679,47 USD (số đầu năm là 2.355.914,69 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	81.680.893.006	91.947.159.710
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	347.214.348.916	362.495.700.929
Doanh thu dịch vụ khác	-	2.358.393.214
Cộng	<u>428.895.241.922</u>	<u>456.801.253.853</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	35.456.399.612	58.774.435.617
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	290.433.135.363	327.872.427.562
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	-	1.120.995.714
Cộng	325.889.534.975	387.767.858.893

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	310.944.410	122.052.639
Lãi cho vay	732.986.300	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	11.491.344.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.308.739.888	1.893.421.432
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.026.710.789
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	30.724
Cộng	3.352.670.598	15.533.559.584

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	34.551.866.075	31.159.403.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	752.419.561	977.873.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	200.237.237	-
Chi phí tài chính khác	32.465.616	385.103.795
Cộng	35.536.988.489	32.522.380.845

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng	556.453.182	2.125.495.030

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.351.504.874	16.632.864.514
Chi phí vật liệu quản lý	427.764.410	287.129.483
Chi phí đồ dùng văn phòng	289.052.233	584.024.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.820.274	299.142.252
Thuế, phí và lệ phí	82.093.887	59.136.882
Dự phòng phải thu khó đòi	1.998.902.204	426.020.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.818.466.954	7.103.596.548
Các chi phí khác	3.042.411.153	5.728.884.792
Cộng	30.127.015.989	31.120.798.840

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi thường	3.521.405.450	3.685.563.384
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	6.711.717.918
Thu nhập khác	57.406.858	1.515
Cộng	3.578.812.308	10.397.282.817

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	472.891.903	-
Thanh toán phạt vi phạm hành chính	-	1.352.326.794
Chi phí khác	50.902.940	-
Cộng	523.794.843	1.352.326.794

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.876.422.942	107.276.850.704
Chi phí nhân công	93.982.198.158	65.080.584.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.763.903.071	70.706.905.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.300.505.829	109.441.581.954
Chi phí khác	67.121.609.205	11.123.363.260
Cộng	420.044.639.205	363.629.285.612

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu thập
Kỳ này					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	476.880.600	-	-	476.880.600
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	238.970.721	-	-	238.970.721
Vũ Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên BKS	163.366.080	-	-	163.366.080
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (từ 29/06/2023)	47.581.000	-	-	47.581.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	284.351.100	-	-	284.351.100
Cộng		1.823.996.857	-	-	1.823.996.857
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (đến ngày 28/04/2022)	-	-	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	90.000.000	90.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	564.000.000	97.000.000	-	661.000.000
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	225.600.000	37.600.000	-	263.200.000
Vũ Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên BKS	56.400.000	3.000.000	-	59.400.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	199.750.000	39.950.000	-	239.700.000
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	324.300.000	57.050.000	-	381.350.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	324.300.000	57.050.000	-	381.350.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/08/2022)	282.000.000	50.000.000	-	332.000.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	267.900.000	47.650.000	-	315.550.000
Cộng		2.244.250.000	389.300.000	198.000.000	2.831.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (TCOTS)	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	Công ty con của TCOTS
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	51.060.628.296	61.244.097.694
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh	132.013.468	-
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	118.272.725	1.347.675.185
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	3.004.496.570
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	3.804.966.582	-
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	5.580.000.000	3.598.797.043
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.277.046.000	5.580.000.000
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	118.272.725	2.293.016.892

15-01
HÀNG
G TY
M HỮ
VÀ T
& C
IÀ NỘ
- IP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Chi trả cổ tức cho:

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	27.899.997.500	24.118.312.500
---	----------------	----------------

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.15, V.16 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ ngoài khơi.
- Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	347.214.348.916	81.680.893.006	428.895.241.922
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.214.348.916	81.680.893.006	428.895.241.922
Giá vốn hàng bán	(290.433.135.363)	(35.456.399.612)	(325.889.534.975)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	56.781.213.553	46.224.493.394	103.005.706.947
Chi phí bán hàng			(556.453.182)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(30.127.015.989)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			72.322.237.776
Doanh thu hoạt động tài chính			3.352.670.598
Chi phí tài chính			(35.536.988.489)
Thu nhập khác			3.578.812.308
Chi phí khác			(523.794.843)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.666.729.075)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			38.526.208.275
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	364.854.094.143	91.947.159.710	456.801.253.853
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	364.854.094.143	91.947.159.710	456.801.253.853
Giá vốn hàng bán	(328.993.423.276)	(58.774.435.617)	(387.767.858.893)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.860.670.867	33.172.724.093	69.033.394.960
Chi phí bán hàng			(2.125.495.030)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(31.120.798.840)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			35.787.101.090
Doanh thu hoạt động tài chính			15.533.559.584
Chi phí tài chính			(32.522.380.845)
Thu nhập khác			10.397.282.817
Chi phí khác			(1.352.326.794)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.255.148.962)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			26.588.086.890

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.528.992.906.880	183.441.976.853	2.425.151.713.474
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			162.797.929.636
Tổng tài sản			2.587.949.643.110
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	792.976.847.896	348.950.256.023	1.524.487.419.593
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			26.505.569.259
Tổng nợ phải trả			1.550.992.988.852
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.473.678.145.503	151.463.339.334	2.262.109.444.093
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			162.797.929.636
Tổng tài sản			2.424.907.373.729
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	675.914.920.242	344.768.643.568	1.360.744.573.104



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			37.210.251.855
Tổng nợ phải trả			1.397.954.824.959

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến

Lê Đăng Phúc